TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **197**/2019/DS-PT

Ngày 12 - 11 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng, ông Nguyễn Huờn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2019/TLPT-DS ngày 07/10/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 252/2019/QĐPT-DS ngày 25/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1973 (có mặt).
Nơi cư trú: Thôn 05, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1963 (có mặt); chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Cùng trú tại: Thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Thị L; Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2018, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Ngày 05/01/2017, bà Nguyễn Thị A cho bà Hoàng Thị L vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 06/01/2017 bà A tiếp tục cho bà L vay 20.000.000 đồng, mục đích cho vay là để bà L đáo hạn ngân hàng. Khi vay, các bên xác lập văn bản, lãi suất thỏa thuận miệng 2.000đồng/triệu/ngày và hẹn đến ngày 15/01/2017 bà L sẽ

trả cho bà A số tiền lãi và tiền gốc của hai lần vay trên.

Do bà L không trả được tiền gốc và lãi nên đến ngày 25/5/2017 hai bên viết lại giấy vay tiền với nội dung bà L có vay của bà A số tiền 144.000.000 đồng, hẹn đến ngày 25/7/2017 bà L phải trả cho bà A số tiền trên. Trong 144.000.000 đồng thì có 120.000.000 đồng nợ gốc và 24.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 06/01/2017 đến ngày 25/7/2017, và viết thêm cam kết đến ngày 25/7/2017 bà L chỉ phải trả cho bà A số tiền vay là 144.000.000 đồng, không phát sinh tiền lãi (ngày viết cam kết là ngày 25/5/2017 nhưng viết nhầm thành ngày 25/7/2017).

Sau khi hai bên viết giấy vay tiền ngày 25/5/2017, ngoài bà L ký nhận còn có chị Nguyễn Thị Thanh T (là con bà L) ký vào giấy vay tiền với tư cách là người thừa kế khoản tiền vay nhưng thực tế chỉ có bà L vay tiền.

Theo đơn khởi kiện bà A yêu cầu bà L phải trả 163.800.000 đồng (gồm 144.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay ngày 25/5/2017 và 19.800.000 đồng tiền lãi), nay bà A chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả 120.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật tính từ ngày 07/01/2017 cho đến khi bà L trả xong nợ.

Đối với các giấy biên nhận mà bà L cung cấp cho Tòa án, bà A thừa nhận là do mình viết vào sổ của bà L, tuy nhiên nội dung các biên nhận này thể hiện bà A nhận tiền của bà L trả từ các khoản vay trước đây, không liên quan đến khoản vay 120.000.000 đồng ngày 05/01/2017 và ngày 06/01/2017.

Số tiền 60.000.000 đồng bà L trình bày trả cho vợ chồng ông M, bà Q, bà A không biết, vì không liên quan đến số tiền bà A khởi kiện.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên Tòa, bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận ngày 05/01/2017 và ngày 06/01/2017, bà L có vay của bà A số tiền 120.000.000 đồng như bà A đã trình bày, thoả thuận miệng tiền lãi suất phát sinh là 6.000đồng/triệu/ngày, hẹn đến ngày 15/01/2017 bà L sẽ trả tiền gốc, tiền lãi. Đến thời hạn trả nợ, bà L không trả được khoản tiền gốc nào mà chỉ trả tiền lãi cho bà A như sau:

- Ngày 05/01/2017, sau khi vay 100.000.000 đồng, bà L trả trước cho bà A 6.000.000 đồng tiền lãi, việc trả lãi không ghi giấy giao nhận tiền.

- Ngày 26/12/2016 âm lịch (23/01/2017 dương lịch) bà L trả cho bà A 14.400.000 đồng tiền lãi, bà A có ghi vào sổ của bà L.

- Ngày 16/01/2017 âm lịch (12/02/2017 dương lịch), trả cho bà A 7.200.000 đồng tiền lãi, có ghi vào sổ của bà L.

- Ngày 26/01/2017 âm lịch (22/02/2017 dương lịch), trả cho bà A 7.200.000 đồng tiền lãi, có ghi vào sổ bà L nhưng không ghi ngày tháng.

- Ngày 06/02/2017 âm lịch (03/3/2017 dương lịch), trả cho bà A 20.000.000 đồng tiền lãi, có ghi vào sổ bà L nhưng không ghi cụ thể ngày tháng.

- Ngày 13/3/2017 âm lịch (09/4/2017 dương lịch), trả cho bà A 1.600.000 đồng, có ghi vào sổ là lấy tổng 60 ngày (tức là từ ngày 05/01/2017 đến ngày

13/3/2017 âm lịch) chứ không ghi cụ thể số tiền.

- Ngày 24/3/2017 âm lịch, bà A đòi tiền lãi nhưng bà L không có trả nên bà A đến nhà bà Nguyễn Thị Q, trú tại thôn 18, xã E, huyện M vay 30.000.000 đồng và bảo bà L sau 02 ngày trả cho bà Q số tiền trên. Sau đó bà L đã trả cho bà Q số tiền 30.000.000 đồng trên (trong đó có số tiền 15.000.000đồng bà L chuyển khoản vào tài khoản tên ông Hồ Văn M); ngày 26/3/2017 âm lịch, bà A lại đòi tiền lãi nhưng bà L không có trả nên bà A đến nhà bà Q vay 30.000.000 đồng và bảo bà L trả cho bà Q số tiền này. Bà L đã trả cho bà Q 30.000.000 đồng và không ghi giấy giao nhận tiền.

Vậy thông qua vợ chồng ông M, bà Q bà L đã trả cho bà A 60.000.000 đồng.

- Ngày 25/5/2017, bà L trả cho bà A 5.500.000 đồng tiền lãi và không ghi giấy giao nhận tiền.

Đến ngày 25/5/2017, do bà L không trả được cho bà A khoản tiền gốc nào nên bà A và bà L thoả thuận viết lại giấy vay tiền hẹn đến ngày 25/7/2017 bà L sẽ trả cho bà A số tiền là 144.000.000 đồng. Trong đó có 120.000.000 đồng tiền nợ gốc và 24.000.000 đồng là số tiền lãi tính trước từ ngày 25/5/2017 đến ngày 25/7/2017 theo mức lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày. Sau khi viết giấy vay tiền xong, bà A có yêu cầu con bà L là chị T ký vào giấy vay nên nhưng chị T không liên quan gì đến khoản tiền này.

Theo bà L tính từ ngày 05/01/2017 đến ngày 25/5/2017 bà L phải trả cho bà A số tiền lãi theo như thoả thuận là 140 ngày x 720.000 đồng/ngày = 100.800.000 đồng nhưng trên thực tế bà L đã trả cho bà A tổng cộng là 121.900.000 đồng tiền lãi.

Bà L không chấp nhận yêu cầu của bà A, mặc dù hiện nay bà L vẫn chưa trả khoản tiền gốc 120.000.000 đồng cho bà A nhưng từ khi vay bà L đã trả tiền lãi cho bà A tổng cộng là 121.900.000 đồng. Do đó, bà L đề nghị Tòa án xem xét khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quá vào nợ gốc theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị T ký tên vào giấy vay ngày 25/5/2017 là do bà A yêu cầu chị ký tên làm người thừa kế của bà L. Còn nội dung vay mượn tiền giữa bà A với bà L chị hoàn toàn không biết và không liên quan, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai vợ chồng ông Hồ Văn M, bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà Q và bà L có vay mượn tiền với nhau nên việc bà L đã trả 15.000.000 đồng chuyển khoản theo tên ông M (chồng bà Q) là việc riêng, không liên quan đến bà A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DSST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 220, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 151.633.000 đồng (tiền nợ gốc 120.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 07/01/2017 đến ngày 26/8/2019 là 31.633.000 đồng) theo giấy vay tiền ngày 25/5/2017. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải chịu 7.581.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà A 4.093.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0006095 ngày 01/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Ngày 09/9/2019, bị đơn bà Hoàng Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử lại vụ án và xem xét khấu trừ số tiền lãi 121.900.000 đồng đã trả cho bà A.

Ngày 10/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi trên nợ gốc 120.000.000 đồng từ ngày 07/01/2017 là không đúng và vượt quá phạm vi khởi kiện; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại mức lãi suất và thời gian tính tiền lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 26/7/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời thừa nhận việc đã nhận 60.000.000 đồng của bà L thông qua bà Nguyễn Thị Q, nhưng cho rằng số tiền này không phải tiền lãi trên nợ gốc 120.000.000 đồng mà phát sinh từ giao dịch khác với bà L; dòng chữ "*Chỗ 60 triệu quyên tổng vào (140) ngày rồi*" do nguyên đơn viết vào sổ của bà L để xác nhận việc nhận 60.000.000 đồng.

Bị đơn bà Hoàng Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét khấu trừ số tiền lãi đã trả cho bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận trong các ngày 05 và 06/01/2017, bà L vay của bà A tổng số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 15/01/2017, lãi suất thỏa thuận miệng. Ngày 25/5/2017, hai bên lập văn bản thỏa thuận lại thời hạn trả nợ, theo đó đến ngày 25/7/2017 bà L phải trả 144.000.000 đồng, trong đó gốc 120.000.000 đồng và 24.000.000 đồng tiền lãi. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L trả nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 07/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian tính lãi từ ngày 07/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, không vượt quá phạm vi khởi kiện nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk về nội dung này không chính xác.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L phải trả cho bà An 120.000.000 đồng nợ gốc và 31.633.000 đồng tiền lãi

là không đúng vì chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng đã trả nhiều lần tiền lãi cho nguyên đơn, trong đó có các lần nguyên đơn viết biên nhận. Cần xác định lại, đối với số tiền lãi nguyên đơn nhận của bị đơn sau ngày 07/01/2017, có biên nhận và phù hợp với diễn biến của việc trả nợ phải được khấu trừ vào nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật, gồm: 14.400.000 đồng ngày 26/12/2016 âm lịch, 7.200.000 đồng ngày 16/01/2017 âm lịch và 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A tiếp tục thừa nhận việc thông qua bà Nguyễn Thị Q đã nhận 60.000.000 đồng từ bà L, số tiền này được khấu trừ vào nợ gốc và tiền lãi mà bà L phải trả.

Ngoài ra, tại đơn khởi kiện ghi ngày 01/8/2018, bà A khởi kiện bị đơn là bà Hoàng Thị L và chị Nguyễn Thị Thanh T. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với phần đã rút là thiếu sót. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị L, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Đối với nội dung kháng nghị:

Trong các ngày 05 và 06/01/2017, bà Hoàng Thị L vay của bà Nguyễn Thị A tổng số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 15/01/2017 trả gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Do bà L không trả được nợ gốc nên ngày 25/5/2017 các bên thỏa thuận lại về thời hạn trả tiền vay, cụ thể là bà L phải trả cho bà A 144.000.000 đồng, trong đó gốc là 120.000.000 đồng và 24.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 25/7/2017, nội dung thỏa thuận thể hiện qua "*Giấy vay tiền*" xác lập cùng ngày. Giao dịch vay tiền có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định cụ thể và các bên tranh chấp về lãi suất. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 07/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/8/2019 trên nợ gốc 120.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về thời gian tính lãi suất là có căn cứ, do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk đối với nội dung này là không đủ cơ sở để được chấp nhận.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tất cả các giấy biên nhận do bị đơn giao nộp không có giá trị chứng minh trong vụ án vì không chứng minh được tiền lãi đã trả cho khoản tiền vay nào, từ đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận ý kiến của bị đơn là chưa đánh giá đúng và toàn diện chứng cứ, bởi lẽ:

- Đối với số tiền lãi bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn gồm: 6.000.000 đồng trả ngày 05/01/2017; 5.500.000 đồng trả ngày 25/5/2017; 1.600.000 đồng ngày 13/3/2017. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình và nguyên đơn cũng không thừa nhận việc nhận tiền nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của bị đơn là phù hợp với

quy định của pháp luật.

Mặt khác, đối với số tiền lãi 7.200.000 đồng, bị đơn cho rằng đã trả ngày 26/01/2017 âm lịch. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ thừa nhận có nhận 01 lần số tiền 7.200.000 đồng vào ngày 16/01/2017 và viết biên nhận với nội dung: "*16/1/2017 âm lịch A lấy 10 ngày = (7.200) + 600 điệp. Tổng (7.200) bẩy triệu hai chăm. Tổng lấy là 30 ngày rồi*". Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà L thừa nhận mình là người viết thêm nội dung "*26.1*" trước dòng chữ *"Tổng (7.200) bẩy triệu hai chăm. Tổng lấy là 30 ngày rồi"*. Do vậy, không đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị đơn đối với số tiền 7.200.000 ngày 26/01/2017 âm lịch.

- Đối với các khoản tiền mà nguyên đơn thừa nhận đã nhận của bị đơn, gồm: 14.400.000 đồng ngày 26/12/2016 âm lịch (23/01/2017 dương lịch); 7.200.000 đồng ngày 16/01/2017 âm lịch (12/02/2017 dương lịch) và 20.000.000 đồng. Mặc dù, nguyên đơn cho rằng các giấy biên nhận tiền mà bị đơn cung cấp có nguồn gốc từ các khoản tiền mà bị đơn vay trước đây, tuy nhiên, sau khi đối chiếu nội dung các giấy biên nhận và bản phô tô các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử thấy không có sự phù hợp về số tiền vay, số tiền trả, thời hạn trả và không phù hợp với diễn biến thời gian thực hiện giao dịch.

Hội đồng xét xử nhận thấy những lần nhận tiền này diễn ra sau ngày các bên xác lập giao dịch vay tài sản (06/01/2017) và phù hợp với diễn biến của việc trả tiền lãi theo nội dung các giấy vay tiền, từ đó có đủ căn cứ xác định sau ngày 06/01/2017 bà A đã nhận của bà L tổng cộng 41.600.000 đồng tiền lãi nên số tiền lãi vượt quá sẽ được khấu trừ vào nợ gốc theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng, bà A không nhớ ngày nhận tiền nhưng xác định sau ngày nhận số tiền 7.200.000 đồng. Xét ý kiến của bị đơn cho rằng bà A nhận 20.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 06/02/2017 âm lịch (03/3/2017 dương lịch) là phù hợp với thứ tự viết biên nhận và diễn biến trả lãi nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A tiếp tục thừa nhận việc đã nhận 60.000.000 đồng của bà L thông qua bà Nguyễn Thị Q, mặc dù bà A cho rằng số tiền này không phải là tiền lãi trên nợ gốc 120.000.000 đồng nhưng không chứng minh được phát sinh từ giao dịch nào với bà L. Trong khi đó, bị đơn khẳng định 60.000.000 đồng cũng là một phần trong số tiền lãi đã trả bà A trên nợ gốc 120.000.000 đồng, thời gian vay 140 ngày, lãi suất 6.000 đồng/triệu/ngày tính từ ngày 07/01/2017 và xác định bà A nhận đủ 60.000.000 đồng vào ngày 27/5/2017 (07/01/2017 + 140 ngày). Lời trình bày của bà L phù hợp với chứng cứ đã cung cấp là giấy biên nhận do bà A viết nội dung: "*Chỗ 60 triệu quyên tổng vào (140) ngày rồi*" (bút lục 89), nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở để kết luận:

Sau khi cho bà L vay 120.000.000 đồng, bà A đã nhiều lần nhận tiền lãi, tổng cộng 101.600.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 07/01/2017, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền lãi bà L đã trả theo mức lãi suất quá cao nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tính lại lãi suất và khấu trừ số tiền đã trả như sau:

- Từ ngày 07/01/2017 đến ngày 23/01/2017: 17 ngày.

Tiền lãi = 120.000.000 đồng x 10%/năm x 17 ngày = 560.000 đồng.

Ngày 23/01/2017, bà L trả bà A 14.400.000 đồng tiền lãi nên số tiền lãi vượt quá: 14.400.000 đồng - 560.000 đồng = 13.840.000 đồng được trừ vào gốc.

Từ ngày 24/01/2017, bà L còn nợ bà A số tiền gốc: 120.000.000 đồng - 13.840.000 đồng = 106.160.000 đồng.

- Từ ngày 24/01/2017 đến 12/02/2017: 20 ngày.

Tiền lãi = 106.160.000 đồng x 10%/năm x 20 ngày = 580.000 đồng.

Ngày 12/02/2017, bà Loan trả bà A 7.200.000 đồng tiền lãi nên số tiền lãi vượt quá: 7.200.000 đồng - 580.000 đồng = 6.620.000 đồng được trừ vào gốc.

Từ ngày 13/02/2017, bà L còn nợ bà A số tiền gốc: 106.160.000 đồng - 6.620.000 đồng = 99.540.000 đồng.

- Từ ngày 13/2/2017 đến ngày 03/3/2017: 19 ngày.

Tiền lãi = 99.540.000 đồng x 10%/năm x 19 ngày = 520.000 đồng.

Ngày 03/3/2017, bà L trả bà A 20.000.000 đồng tiền lãi nên số tiền lãi vượt quá: 20.000.000 đồng - 520.000 đồng = 19.480.000 đồng được trừ vào gốc.

Từ ngày 04/3/2017, bà L còn nợ bà A số tiền gốc: 99.540.000 đồng - 19.480.000 đồng = 80.060.000 đồng.

- Từ ngày 04/3/2017 đến ngày 27/5/2017: 85 ngày.

Tiền lãi = 80.060.000 đồng x 10%/năm x 85 ngày = 1.865.000 đồng.

Ngày 27/5/2017, bà L trả bà A 60.000.000 đồng tiền lãi nên số tiền lãi vượt quá: 60.000.000 đồng - 1.865.000 đồng = 58.135.000 đồng được trừ vào gốc.

Từ ngày 28/5/2017, bà L còn nợ bà A số tiền gốc: 80.060.000 đồng – 58.135.000 đồng = 21.925.000 đồng.

- Từ ngày 28/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/8/2019: 821 ngày.

Tiền lãi = 21.925.000 đồng x 10%/năm x 821 ngày = 4.932.000 đồng.

Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị A nợ gốc là 21.925.000 đồng và 4.932.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 26/8/2019.

[5] Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2018, bà A khởi kiện đối với bị đơn bà Hoàng Thị L và chị Nguyễn Thị Thanh T. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với phần đã rút là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[6] Về án phí:

- Bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể:

(21.925.000 đồng + 4.932.000 đồng) x 5% = 1.343.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, cụ thể:

(120.000.000 đồng - 21.925.000 đồng) x 5% = 4.904.000 đồng.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị L; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 26.857.000 đồng (trong đó nợ gốc 21.925.000 đồng và 4.932.000 đồng tiền lãi).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A đối với chị Nguyễn Thị Thanh T, về việc yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả 120.000.000 đồng và tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị L phải chịu 1.343.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0003315 ngày 11/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà Hoàng Thị L còn phải nộp 1.043.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị A phải chịu 4.904.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 4.093.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006095 ngày 01/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị A phải nộp thêm 811.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- CCTHADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Nhung